

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Hà Nội - Tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 46

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty đã hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt: MIE.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phan Phạm Hà	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Ông Lê Quốc Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/06/2020)
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/06/2020)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/04/2020)
Ông Lê Quốc Hưng	Quyền Tổng Giám đốc (Từ 20/04/2020 đến 22/02/2021)
	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/02/2021)
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tài chính Kế toán

**Ban kiểm soát**

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 01/04/2020)
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Minh Huyền	Ủy viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 10/06/2020)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 23/02/2021, ông Lê Quốc Hưng, Quyền Tổng Giám đốc được bổ nhiệm có thời hạn giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Quyết định số 136/QĐ-MIE-HĐQT ngày 23/02/2021 về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết, ngoài sự kiện nêu trên không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng sổ sách kế toán đã được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty, luôn thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



**Lê Quốc Hưng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Số: 93/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP, được lập ngày ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- (1) Như đã trình bày tại Mục 5.04, 5.05, 5.07 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, công nợ phải thu tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí, Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật và Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội bao gồm một số khoản công nợ tồn đọng tính đến thời điểm 30/09/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) nhưng chưa được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp cũng như khi công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và các khoản công nợ phải thu khách hàng phát sinh sau ngày 30/09/2014 đã quá hạn thanh toán. Đối với những công nợ tồn đọng tính đến thời điểm 30/09/2014, theo Công văn 2230/BCT- CNNg ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Bộ Công thương về việc đề nghị xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, Bộ Công thương yêu cầu Tổng Công ty tiến hành rà soát, chuẩn bị tài liệu và hồ sơ có liên quan trong đó có hồ sơ các khoản công nợ phải thu khó đòi, kèm theo hồ sơ công tác quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần để trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết khi thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, công ty mẹ và bốn công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có khoản công nợ tồn đọng. Do đó, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.
- (2) Như đã trình bày tại Mục 5.04, 5.07 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do chưa có kết luận cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền về trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong vụ án đang được điều tra tại Xí nghiệp kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp - Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) nên Tổng Công ty chưa có cơ sở để trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.
- (3) Như đã trình bày tại Mục 5.14, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, toàn bộ tiền thuê đất, tiền chậm nộp phát sinh từ các năm tài chính trước đến hết ngày 31/12/2020 nhưng chưa được hạch toán vào chi phí phát sinh tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Công ty con) và đang được hạch toán trên tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Do đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên với giá trị tương ứng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

- (1) Như đã trình bày tại Mục b, 5.21, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2020, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng cân đối kế toán là 1.418.634.488.001 đồng, chênh lệch là (1.280.511.999) đồng so với Vốn Điều lệ là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty mẹ và 4 Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

(2) Như đã trình bày tại Mục 7.03, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất đính kèm là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán, có phân loại một số chỉ tiêu cho phù hợp.

Các vấn đề nhấn mạnh trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1

Giấy ủy quyền số: 14/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

A blue handwritten signature, possibly reading "Ph", written on a white background.

Nguyễn Trung Khánh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1128-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.659.500.009.317</b>	<b>1.304.093.030.548</b>
(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>86.242.526.302</b>	<b>71.966.134.778</b>
1. Tiền	111		71.082.526.302	38.173.591.889
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.160.000.000	33.792.542.889
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>106.897.001.258</b>	<b>134.663.023.973</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.02	1.467.690.500	1.467.630.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.03	105.429.310.758	133.195.393.973
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>941.466.143.028</b>	<b>737.884.800.939</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.04	825.084.846.683	617.627.521.515
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.05	69.652.543.064	70.429.933.982
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.06	805.500.000	805.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.07	97.827.272.526	100.068.487.003
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.04	(51.904.019.245)	(51.046.641.561)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.08</b>	<b>460.306.031.638</b>	<b>307.112.848.703</b>
1. Hàng tồn kho	141		461.930.429.002	308.280.220.373
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.624.397.364)	(1.167.371.670)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>64.588.307.091</b>	<b>52.466.222.155</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.14	382.403.872	903.399.791
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		62.365.578.699	50.893.587.404
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	1.840.324.520	669.234.960
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>993.898.016.066</b>	<b>1.039.693.259.772</b>
(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.078.539.958</b>	<b>2.284.089.024</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.07	2.078.539.958	2.284.089.024
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>687.972.405.682</b>	<b>704.190.173.974</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.09	653.485.381.371	668.703.975.135
- Nguyên giá	222		1.014.670.070.648	992.747.792.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(361.184.689.277)	(324.043.817.578)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	34.487.024.311	35.486.198.839
- Nguyên giá	228		39.650.654.206	39.650.654.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.163.629.895)	(4.164.455.367)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>28.256.636.225</b>	<b>29.142.152.381</b>
- Nguyên giá	231		33.027.988.644	33.027.988.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.771.352.419)	(3.885.836.263)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.12</b>	<b>108.661.176.247</b>	<b>106.731.444.335</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		108.661.176.247	106.731.444.335
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.13</b>	<b>43.093.374.559</b>	<b>74.443.435.059</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.13	11.416.459.553	54.396.459.553
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	20.046.915.006	20.046.975.506
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.03	11.630.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>123.835.883.395</b>	<b>122.901.964.999</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	123.835.883.395	122.901.964.999
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.653.398.025.383</b>	<b>2.343.786.290.320</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.241.666.775.715</b>	<b>929.490.579.638</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.058.884.060.924</b>	<b>754.458.356.897</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	238.982.068.276	189.266.978.767
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		103.290.716.333	91.878.190.304
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	48.983.134.560	46.785.669.419
4. Phải trả người lao động	314		44.930.061.170	84.132.249.025
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	17.736.317.161	16.894.235.734
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		98.836.775	98.836.775
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	1.529.422.101	1.420.253.792
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	43.739.528.334	42.879.832.646
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	544.881.030.806	271.932.424.157
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.207.352.488	721.251.110
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.505.592.920	8.448.435.168
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>182.782.714.791</b>	<b>175.032.222.741</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17	44.488.229.193	44.488.229.193
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	129.485.369.681	129.629.896.729
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	8.809.115.917	914.096.819
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>1.411.731.249.667</b>	<b>1.414.295.710.682</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>1.412.399.525.500</b>	<b>1.414.295.710.682</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.202.379.963)	(1.202.379.963)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.783.409	649.783.409
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(11.802.996.889)	(9.873.453.178)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(14.291.700.420)</i>	<i>(11.978.480.409)</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>2.488.703.532</i>	<i>2.105.027.231</i>
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		6.120.630.942	6.087.272.413
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(668.275.833)</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		(668.275.833)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.653.398.025.383</b>	<b>2.343.786.290.320</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc

Đào Văn Thắng

Trần Thị Thu Trang

Lê Quốc Hưng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	1.386.125.233.531	1.359.933.603.527
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.02	7.477.158	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	10		<b>1.386.117.756.373</b>	<b>1.359.933.603.527</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.03	1.260.802.464.173	1.257.022.036.823
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	20		<b>125.315.292.200</b>	<b>102.911.566.704</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	9.545.662.950	20.137.663.795
7. Chi phí tài chính	22	6.05	22.603.940.495	18.099.673.185
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>21.319.332.162</i>	<i>17.585.037.221</i>
8. <b>Phân lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	24		-	2.018.110
9. Chi phí bán hàng	25	6.06	3.649.272.754	4.559.410.148
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.07	102.006.707.704	94.338.783.923
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	30		<b>6.601.034.197</b>	<b>6.053.381.353</b>
12. Thu nhập khác	31	6.08	5.723.984.258	7.422.763.101
13. Chi phí khác	32	6.09	4.367.206.282	4.421.010.245
14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>1.356.777.976</b>	<b>3.001.752.856</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>7.957.812.173</b>	<b>9.055.134.209</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.056.412.703	1.911.849.910
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	60		<b>5.901.399.470</b>	<b>7.143.284.299</b>
19. <b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</b>	61		<b>42.746.769</b>	<b>42.245.697</b>
20. <b>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>	62		<b>5.858.652.701</b>	<b>7.101.038.602</b>
21. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	6.11	<b>18</b>	<b>15</b>

Hà nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc





Đào Văn Thắng

Trần Thị Thu Trang

Lê Quốc Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>01</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế		7.957.812.173	9.055.134.209
2. Điều chỉnh cho các khoản		55.746.426.486	39.653.648.809
- Khấu hao TSCĐ	02	41.213.785.084	38.973.700.888
- Các khoản dự phòng	03	2.800.504.756	1.896.358.423
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(386.668.915)	299.698.130
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.257.505.971)	(19.087.721.804)
- Chi phí lãi vay	06	21.319.332.162	16.392.791.777
- Các khoản điều chỉnh khác		56.979.370	1.178.821.395
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	<b>08</b>	<b>63.704.238.659</b>	<b>48.708.783.018</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(275.241.753.971)	14.794.029.880
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(153.650.208.627)	1.921.187.112
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	68.171.978.475	(92.380.234.400)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.377.393.077	(6.983.865.715)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.610.425.041)	(17.564.429.331)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(2.161.333.034)	(3.045.011.186)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.472.264.677	4.831.992.169
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.982.922.423)	(6.047.479.041)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(318.920.768.209)</b>	<b>(55.765.027.494)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(20.222.342.027)	(37.532.079.693)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	1.122.828.286	360.181.818
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(112.258.346.922)	(126.196.451.559)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	132.600.000.000	201.810.599.520
5 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	42.980.000.000	2.665.509.000
6 Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27	9.247.817.482	18.493.717.030
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>53.469.956.819</b>	<b>59.601.476.116</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.040.268.132.553	517.318.421.264
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(760.553.135.986)	(538.209.560.211)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>279.714.996.567</b>	<b>(20.891.138.947)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	14.264.185.177	(17.054.690.325)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	71.966.134.778	88.981.907.416
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	12.206.347	38.917.687
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	86.242.526.302	71.966.134.778

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc

  
Đào Văn Thắng

  
Trần Thị Thu Trang

  
Lê Quốc Hưng



## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty đã hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MIE.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*) chia làm 141.991.500 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Dựa trên số lượng cổ phần đang nắm giữ, cơ cấu cổ đông tại 31/12/2020 như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	99,5726%
Cán bộ CNV	537.820	0,3788%
Nhà đầu tư khác	69.000	0,0486%
- Tổ chức	20.000	0,0141%
- Cá nhân	49.000	0,0345%
<b>Cộng</b>	<b>141.991.500</b>	<b>100,00%</b>

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2020 là 958 người (tại 31/12/2019 là 1039 người).

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyên giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

### **1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2020, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết như sau:

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

<b>Tên</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>I. Đơn vị phụ thuộc</b>			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%
<b>II. Công ty con</b>			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghiệp; - Kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
<b>III. Công ty liên doanh, liên kết</b>			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%
2. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia		2,149%	2,149%

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT- BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

##### Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và Công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phân giá trị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

**c. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>Số năm</b>
Nhà	40

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian trên 01 năm. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí trích trước tiền lương nhân viên;
- Chi phí thuê phụ trích trước trên cơ sở các dự án đã có nghiệm thu khối lượng và ghi nhận doanh thu dẫn tới kết chuyển chi phí giá vốn tương ứng.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Chênh lệch phát sinh từ giao dịch mua rẻ do giá phí khoản đầu tư vào công ty con thấp hơn so với phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần tại ngày mua của các công ty con được ghi nhận lãi trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc lỗ, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, chi phí quản lý cấp trên, chi phí cung cấp dịch vụ cho công ty con... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, cụ thể:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh;
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách;
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh;
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách lấy lợi nhuận thuần sau thuế TNDN hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi các khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi, cổ tức phải trả cho cổ đông ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất nói chung nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.670.942.822	6.226.667.442
Tiền gửi ngân hàng	66.411.583.480	31.946.924.447
Các khoản tương đương tiền ( <i>TGNH dưới có kỳ hạn dưới 3 tháng</i> )	15.160.000.000	33.792.542.889
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.242.526.302</b>	<b>71.966.134.778</b>

**5.02 Chứng khoán kinh doanh**

	<b>31/12/2020</b>			<b>01/01/2020</b>		
	<b>VND</b>			<b>VND</b>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
CONTREXIM (7.625 CP)	378.200.000	378.200.000	-	378.200.000	378.200.000	-
ABBANK (24.164 CP)	1.089.430.000	1.089.430.000	-	1.089.430.000	1.089.430.000	-
EIB (5 CP)	60.500	60.500	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.467.690.500</b>	<b>1.467.690.500</b>	<b>-</b>	<b>1.467.630.000</b>	<b>1.467.630.000</b>	<b>-</b>

**5.03 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2020</b>		<b>01/01/2020</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>105.429.310.758</b>	<b>105.429.310.758</b>	<b>133.195.393.973</b>	<b>133.195.393.973</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	17.000.000.000	17.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	1.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh	48.849.310.758	48.849.310.758	56.995.393.973	56.995.393.973
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	11.500.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	4.580.000.000	4.580.000.000	10.700.000.000	10.700.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	21.500.000.000	21.500.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>11.630.000.000</b>	<b>11.630.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	11.630.000.000	11.630.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>117.059.310.758</b>	<b>117.059.310.758</b>	<b>133.195.393.973</b>	<b>133.195.393.973</b>



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**5.04 Phải thu khách hàng**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>825.084.846.683</b>	<b>51.904.019.245</b>	<b>617.627.521.515</b>	<b>51.046.641.561</b>
Ban điều hành Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	9.491.536.950	-	9.491.536.950	-
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	42.754.923.370	-	42.954.923.370	-
Công ty CP Thủy điện Long Tạo Điện Biên	26.156.548.333	-	33.156.548.333	-
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	222.253.121.905	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.296.370.548	2.296.370.548	2.296.370.548	2.296.370.548
Công ty CP Cơ khí Điện lực	2.342.718.153	2.342.718.153	2.342.718.153	2.542.718.153
Công ty CP Cơ khí 41 Thăng Long	3.660.199.217	-	3.660.199.217	-
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	8.602.223.514	-	11.952.117.110	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện I	9.540.182.632	-	768.545.172	-
Công ty CP Quốc tế Minh Hải	5.442.904.500	-	9.864.340.310	-
Danieli & C.Officine	9.334.480.483	-	10.790.413.970	-
Công ty CP Thép Hà Nội	27.264.461.695	-	27.264.461.695	-
Công ty TNHH ABB	6.655.886.205	-	6.477.533.428	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh	3.230.706.858	-	3.230.706.858	-
Công ty CP TM&SX Thiên Hoàng Long	18.249.601.843	-	18.262.101.843	-
Công ty TNHH TN và XD Thái Phát	2.701.218.469	-	9.687.702.404	-
Công ty TNHH KD và PT TM Hoàng Ngân	3.330.262.380	-	7.230.262.380	-
Công ty TNHH Kinh Doanh XNK H&Q	3.950.971.800	-	11.083.853.000	-
Công ty TNHH Thương mại và XNK Giang Nam	13.389.428.250	-	-	-
Công ty TNHH WOOD BRICKET Việt Nam	18.935.087.463	-	-	-
Công ty CP ĐT và PT Thương Mại Đức Tín	10.243.670.250	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và PTCN Hưng Thịnh	10.826.251.976	-	10.826.251.976	-
Công ty South Capital Company Limited	17.058.535.870	-	17.058.535.870	-
Công ty TNHH ĐT Công nghệ và TM Việt Nam	28.315.360.500	-	28.315.360.500	-
Công ty TNHH 289	60.091.769.610	29.392.227.062	65.096.107.196	29.392.227.062
Công ty CP Nam Vang	48.086.854.941	15.124.777.157	48.636.854.941	15.124.777.157
Công ty CP DV&KTTH - HCD	6.431.761.795	-	20.624.785.509	-
Công ty CP Thép Hoà phát	10.417.043.926	-	9.594.516.209	-
Đối tượng khác	194.030.763.247	2.747.926.325	206.960.774.572	1.690.548.641
<b>Tổng cộng</b>	<b>825.084.846.683</b>	<b>51.904.019.245</b>	<b>617.627.521.515</b>	<b>51.046.641.561</b>

Phải thu khách hàng bao gồm những khoản công nợ tồn đọng của các công ty con của Tổng Công ty. Chi tiết như sau:

**(1) Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung**

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 30.945.168.553 VND. Đây là khoản công nợ có liên quan đến vụ án và cùng một đối tượng là ông Nguyễn Duy Xuyên – nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp – đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2013, ông Nguyễn Duy Xuyên xác nhận đã mượn tiền của Công ty TNHH SX và TM Thế Anh với số tiền 3.250.000.000 VND (Giấy mượn tiền) và Công ty TNHH SX và TM Thế Anh sẽ thanh toán khoản công nợ phải thu với số tiền là 3.230.706.858 VND (phải thu phát sinh từ giao dịch cung cấp thép) cho Xí Nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp khi ông Xuyên trả lại số tiền đã mượn. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/01/2014, Công ty TNHH SX và TM Thế Anh có đề nghị bù trừ công nợ. Tuy nhiên, do ông Xuyên đang bị tạm giam điều tra nên việc bù trừ này chưa được thực hiện.

Ngoài khoản công nợ phải thu nói trên, Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp còn các khoản vay với tổng số tiền là 50.928.533.938 VND, bao gồm: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền là 24.990.000.000 VND do Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp trực tiếp vay; khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền là 24.262.809.296 VND do Công ty đứng tên trên hợp đồng vay hộ Xí nghiệp; Khoản vay đối tượng khác gồm: Công đoàn Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ khí Quang Trung số tiền 266.725.076 VND, cá nhân Bà Trần Thị Thược số tiền 77.820.037 VND và Công ty Cổ phần sản xuất Thép Mitsu Vina số tiền 1.331.179.529 VND. Ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị tạm giam để điều tra do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/04/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/08/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Theo bản án xét xử sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 30/09/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 267, điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật hình sự..

Sau khi có Kết luận số 99 ngày 30/07/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội, Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Cáo trạng số 301/CT-VKS-P3 ngày 25/09/2019 kết luận hành vi của bị can Nguyễn Duy Xuyên đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Bộ Luật hình sự 2015 và tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức, quy định tại Khoản 1, Điều 267 của Bộ Luật hình sự 1999. Hành vi của Thân Thị Nhậm, Bùi Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Luật hình sự 2015. Quyết định truy tố trước Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội để xét xử.

Theo Bản án phúc thẩm số 535/2019/HSPT ngày 14, 15/08/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29,30/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Tại ngày 12, 13, 14 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Nguyễn Duy Xuyên và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Ngày 14/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1, Điều 267; Điểm a, Khoản 4, Điều 139 Bộ Luật hình sự. Bị cáo Thân Thị Nhậm, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà phạm tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139, Khoản 4, Điểm a của Bộ Luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bị cáo Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho ngân hàng Agribank chi nhánh Nam Hà Nội số tiền 24.990.000.000 VND và ngân hàng Vietinbank Đông Hà Nội số tiền 24.262.809.296 VND. Trong đó Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường 30.000.000.000 VND, Thân Thị Nhậm phải bồi thường 19.252.809.296 VND.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung gửi đơn kháng cáo số 96/CV-CKQT ngày 24/02/2020 gửi tòa án nhân dân TP Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ngân hàng Vietinbank trả lại cho Công ty Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 VND và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Do chưa có kết luận cuối cùng về vụ án nên chưa xác định được nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của Công ty TNHH Cơ khí Quang Trung và đối tượng Nguyễn Duy Xuyên đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả nên Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

**(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật**

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Techno Import) với số tiền là 59.039.493.041 VND quá hạn thanh toán tính đến 30/09/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty) phát sinh từ những giao dịch bán hàng hóa. Hiện tại, công ty này cùng với công ty mẹ đang chờ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền và thực hiện thoái vốn theo chủ trương, do vậy, Công ty TechnoImport chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ tồn đọng này.

**(3) Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí**

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh sau ngày 30/09/2014 đã quá hạn thanh toán 03 năm hoặc thu hồi chậm với số tiền là 20.048.035.733 VND, trong đó, công nợ phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thiên Hoàng Long với số tiền là 18.249.601.843 VND đã có Cam kết trả nợ (không số) của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thiên Hoàng Long.

**(4) Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội**

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội đã quá hạn thanh toán trên 04 năm với số tiền là 7.033.714.478 VND.

**5.05 Trả trước cho người bán**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>69.652.543.064</b>	<b>70.429.933.982</b>
Công ty TNHH Trà - Cà phê Trường Thọ (*)	1.206.227.898	1.206.227.898
Công ty TNHH Hoàng Nam (*)	6.683.910.393	6.683.910.393
CN Công ty TNHH TM và DV Sài Gòn CALI (*)	8.028.886.473	8.028.886.473
Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên (*)	4.045.239.997	4.045.239.997
Công ty CP Cà phê HASA (*)	585.238.528	585.238.528
Công ty CP Đầu tư xây dựng cơ khí Đồng Tâm	3.841.774.160	2.695.987.153
Jiangsu Wujin Hydraulic Hoist Co.,Ltd	2.953.843.800	3.016.966.800
Công ty Cổ phần Sài Gòn Công nghệ Nước	7.029.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ xây lắp Bảo Diệp	5.165.866.189	1.337.700.842
Các đối tượng khác	30.112.555.626	42.829.775.898
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.652.543.064</b>	<b>70.429.933.982</b>

(\*) Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí bao gồm khoản tiền ứng trước cho các hợp đồng mua hàng hóa (phát sinh trước thời điểm 30/09/2014) nhưng đã bị hủy mà Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa thu hồi được với số tiền là 20.549.503.289 VND. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí vẫn đang chờ các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý khoản công nợ này khi phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**5.06 Phải thu nội bộ**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>805.500.000</b>		<b>805.500.000</b>	
Công ty CP Kinh doanh Thiết bị công nghiệp	637.500.000	-	637.500.000	-
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam	168.000.000	-	168.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>805.500.000</b>	<b>-</b>	<b>805.500.000</b>	<b>-</b>

**5.07 Phải thu khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>97.827.272.526</b>	<b>-</b>	<b>100.068.487.003</b>	<b>-</b>
Chi phí cổ phần hóa	5.254.084.019	-	5.234.084.019	-
Phải thu về BHXH, BHYT, KPCĐ	501.307.122	-	162.496.453	-
Phải thu người lao động	168.277.281	-	168.277.281	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và TM Phú Điền	-	-	-	-
Ông Nguyễn Duy Xuyên (1)	48.134.425.710	-	48.134.425.710	-
Cục Hải quan thành phố Hải Phòng (2)	6.115.416.932	-	6.115.416.932	-
Ký quỹ, ký cược	6.843.307.884	-	8.871.851.806	-
Phải thu khác	13.634.004.247	-	13.870.569.676	-
Tạm ứng	17.176.449.331	-	17.511.365.126	-
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>2.078.539.958</b>	<b>-</b>	<b>2.284.089.024</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	205.521.939	-	179.000.000	-
Tiền GPMB chờ bù trừ với tiền thuê đất hàng năm	-	-	2.105.089.024	-
Khác	1.873.018.019	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>99.905.812.484</b>	<b>-</b>	<b>102.352.576.027</b>	<b>-</b>

**(1) Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung**

Đây là khoản công nợ có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên - nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã được trình bày chi tiết tại TM số (1) – Mục 5.04. Phải thu khách hàng.

**(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật**

Cuối năm 2004, đầu năm 2005, Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật nhập khẩu lô hàng ô tô của 23 hợp đồng và đã thực hiện nộp thuế nhập khẩu đầy đủ theo quy định (Công văn số 242/HQHP-PNV ngày 29/04/2010 của Cục Hải quan Hải Phòng). Tuy nhiên, Tổng Cục Hải Quan cho rằng, Công ty khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định và yêu cầu truy thu thuế. Sau đó, hồ sơ đã được gửi sang Cục cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ (Công văn số 87/TCHQ-ĐT ngày 08/02/2007 của Tổng Cục) – Hồ sơ này đã được Bộ Công an có ý kiến gửi Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng Chính phủ đã có công văn số

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

343/VPCP-KTTH ngày 17/01/2011 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: Tổng cục Hải quan căn cứ quy định của Pháp luật về thuế và Pháp luật về hải quan để truy thu thuế với số xe ô tô nhập khẩu năm 2004-2005 của doanh nghiệp khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định nhưng chưa nộp đủ số tiền vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 24/11/2014, Bộ Công Thương đã có văn bản số 11767/BCT-TC trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Tổng Cục Hải Quan giải tỏa cưỡng chế thuế đối với Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật và trả lại tiền đã thu cưỡng chế thuế, cho phép xóa khoản phải truy thu thuế 6.115.416.932 VND của Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật.

Ngày 12/06/2015, Bộ Tài chính đã có văn bản số 7818/BTC-TCDN về việc xử lý tồn tại khi cổ phần hóa Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, công văn có nêu “Khoản truy thu thuế của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật sẽ được xử lý sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tin bổ sung về việc thoái vốn tại Techno Import: ngày 26/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TechnoImport. Ngày 22/06/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Công ty TechnoImport đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/08/2018, Bộ Công Thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty TechnoImport. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Tổng công ty vẫn đang trong quá trình thoái vốn tại Công ty TechnoImport.

**5.08 Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.672.948.723	-	27.759.004.403	-
Công cụ, dụng cụ	6.941.448.343		6.697.786.680	257.235.806
CPSX kinh doanh dở dang	361.272.098.707	77.077.999	192.712.620.456	77.077.999
Thành phẩm	49.753.397.761	1.547.319.365	47.833.032.801	833.057.865
Hàng hóa	18.514.155.159	-	31.560.599.703	-
Hàng gửi đi bán	1.776.380.309	-	1.717.176.330	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>461.930.429.002</b>	<b>1.624.397.364</b>	<b>308.280.220.373</b>	<b>1.167.371.670</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**5.09 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2020	558.977.048.786	384.523.566.999	45.146.497.744	1.706.419.185	2.394.260.000	992.747.792.714
Tăng trong năm	5.648.691.041	16.669.684.548	2.354.217.520	78.563.000	1.163.825.000	25.914.981.109
Mua trong năm	261.932.578	14.489.911.720	532.298.466	78.563.000	1.163.825.000	16.526.530.764
XDCB hoàn thành	4.008.580.204	1.979.136.954	1.482.979.002	-	-	7.470.696.160
Phân loại lại	1.378.178.259	-	-	-	-	1.378.178.259
Sửa chữa, nâng cấp	-	200.635.874	338.940.052	-	-	539.575.926
Giảm trong năm	257.733.553	3.673.887.370	-	61.082.251	-	3.992.703.174
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	2.295.709.111	-	61.082.251	-	2.356.791.362
Phân loại lại	-	1.378.178.259	-	-	-	1.378.178.259
Giảm khác	257.733.553	-	-	-	-	257.733.553
Tại ngày 31/12/2020	564.368.006.274	397.519.364.177	47.500.715.264	1.723.899.934	3.558.085.000	1.014.670.070.649
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2020	114.419.666.233	184.835.524.444	23.472.619.328	1.233.465.770	82.541.804	324.043.817.579
Tăng trong năm	16.571.704.089	18.679.975.833	3.857.632.854	120.029.493	99.752.131	39.329.094.400
Khấu hao trong năm	16.571.704.089	18.679.975.833	3.857.632.854	120.029.493	99.752.131	39.329.094.400
Giảm trong năm	20.030.080	2.107.110.370	-	61.082.251	-	2.188.222.701
Thanh lý, nhượng bán	-	2.081.468.738	-	61.082.251	-	2.142.550.989
Giảm khác	20.030.080	25.641.632	-	-	-	45.671.712
Tại ngày 31/12/2020	130.971.340.242	201.408.389.906	27.330.252.182	1.292.413.012	182.293.935	361.184.689.277
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2020	444.557.382.553	199.688.042.555	21.673.878.416	472.953.415	2.311.718.196	668.703.975.135
Tại ngày 31/12/2020	433.396.666.032	196.110.974.271	20.170.463.082	431.486.922	3.375.791.065	653.485.381.371

- Tại ngày 31/12/2020, nguyên giá các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 33.952.148.623 VND (Tại ngày 31/12/2019 là 29.167.321.852 VND).
- Tại ngày 31/12/2020, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai bà Trưng, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam.

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	37.220.221.480	2.430.432.726	39.650.654.206
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	37.220.221.480	2.430.432.726	39.650.654.206
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	3.342.022.050	822.433.317	4.164.455.367
Tăng trong năm	812.581.872	186.592.656	999.174.528
Khấu hao trong năm	812.581.872	186.592.656	999.174.528
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	4.154.603.922	1.009.025.973	5.163.629.895
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2020	33.878.199.430	1.607.999.409	35.486.198.839
Tại ngày 31/12/2020	33.065.617.558	1.421.406.753	34.487.024.311

**5.11 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2020	33.027.988.644	33.027.988.644
Tăng trong năm	-	-
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2020	33.027.988.644	33.027.988.644
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2020	3.885.836.263	3.885.836.263
Tăng trong năm	885.516.156	885.516.156
Khấu hao trong năm	885.516.156	885.516.156
Tại ngày 31/12/2020	4.771.352.419	4.771.352.419
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2020	29.142.152.381	29.142.152.381
Tại ngày 31/12/2020	28.256.636.225	28.256.636.225

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2020, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Để xác định giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một đơn vị định giá độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được đơn vị định giá phù hợp để thực hiện công việc này.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**5.12 Tài sản dở dang**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>108.661.176.247</b>	<b>108.661.176.247</b>	<b>106.731.444.335</b>	<b>106.731.444.335</b>
- DA di dời và xây dựng nhà máy mới tại KCN Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	1.533.252.865	1.533.252.865	2.301.765.534	2.301.765.534
- Chi phí của dự án "Di chuyển cải tạo và nâng cấp năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	4.924.730.849	4.924.730.849	4.924.730.849	4.924.730.849
- Dự án Di chuyển và xây dựng nhà máy của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	96.567.561.625	96.567.561.625	99.504.947.952	99.504.947.952
- Khác	5.635.630.908	5.635.630.908	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.661.176.247</b>	<b>108.661.176.247</b>	<b>106.731.444.335</b>	<b>106.731.444.335</b>



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.13 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020			01/01/2020		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh</b>	<b>9.643.507.495</b>			<b>52.623.507.495</b>		
Liên doanh tòa nhà IBC Trảng Thi	23.507.495	(*)	-	23.507.495	(*)	-
Công ty CP Công Đoàn giấy	100.000.000	(*)	-	100.000.000	(*)	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia (1)	9.520.000.000	(*)	-	52.500.000.000	(*)	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>1.772.952.058</b>			<b>1.772.952.058</b>		
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội (2)	1.772.952.058	(*)	-	1.772.952.058	(*)	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>20.046.915.006</b>			<b>20.046.915.006</b>		
Công ty CP Đá Mài Hải Dương (3)	3.381.542.806	(*)	-	3.381.542.806	(*)	-
Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng (4)	1.432.012.200	(*)	-	1.432.012.200	(*)	-
Công ty CP Cà phê SAHA	850.000.000	(*)	-	850.000.000	(*)	-
Công ty CP Xi măng Đồng Bành (5)	14.383.360.000	(*)	-	14.383.360.000	(*)	-
+ <i>Vốn đầu tư của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (5a)</i>	<i>1.478.360.000</i>			<i>1.478.360.000</i>		
		(*)	-		(*)	-
+ <i>Vốn góp của các cổ đông khác (5b)</i>	<i>12.905.000.000</i>			<i>12.905.000.000</i>		
		(*)	-		(*)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.463.374.559</b>			<b>74.443.374.559</b>		
			-			-

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

(1): Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia có Vốn Điều lệ là 2.443.000.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là một trong số các cổ đông sáng lập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia với tỷ lệ sở hữu là 2,149%.

(2): Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng.

(3): Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng. Tại ngày 31/12/2020, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 đồng.

(4): Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng. Ngày 27/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công Thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/05/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Hiện nay, Tổng Công ty đang thực hiện quá trình thoái hết phần vốn tại Công ty này.

(5): Công ty CP Xi Măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 đồng.

(5a): là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty.

(5b): là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu.

**Ghi chú:**

(\*): Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

**5.14 Chi phí trả trước**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>382.403.872</b>	<b>903.399.791</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	368.935.522	835.169.123
Các khoản khác	13.468.350	68.230.668
<b>Dài hạn</b>	<b>123.835.883.395</b>	<b>122.901.964.999</b>
Tiền thuê đất trả trước	72.175.648.640	73.789.994.643
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.248.386.064	3.661.404.715
Chi phí xây dựng hạ tầng	6.880.000.000	6.880.000.000
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	9.787.104.363	9.904.762.731
Khác (*)	28.744.744.328	23.565.813.110
<b>Tổng cộng</b>	<b>124.218.287.267</b>	<b>123.805.364.790</b>

(\*): Trong đó bao gồm 12.033.482.962 VND là toàn bộ số tiền thuê đất và tiền chậm nộp tại 16+18 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**5.15 Phải trả người bán**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>238.982.068.276</b>	<b>227.578.207.685</b>	<b>189.266.978.767</b>	<b>177.863.118.176</b>
Công ty CP Thương mại CITICOM	-	-	9.702.272.149	9.702.272.149
Guilin Guiye Industrial Co., TVM Trading Company Limited	10.114.061.323	10.114.061.323	10.131.506.879	10.131.506.879
Công ty CP Licogi13 - Cơ Giới Hạ Tầng	4.319.327.658	4.319.327.658	5.908.671.296	5.908.671.296
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	10.567.821.684	10.567.821.684	-	-
Công ty CP Trường Nhật	10.328.546.975	10.328.546.975	-	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ tổng hợp GES	22.121.521.221	22.121.521.221	-	-
Tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp (*)	5.020.771.669	5.020.771.669	9.550.771.669	9.550.771.669
Công ty TNHH MTV Thuận Phát Hải Dương	11.403.860.591	-	11.403.860.591	-
Công ty TNHH Công nghệ đa ngành	6.822.563.963	6.822.563.963	-	-
Công ty CP Viễn Thông Trường Thịnh	4.831.200.000	4.831.200.000	-	-
Công ty cổ phần thiết bị cầu trục Việt Nhật	5.756.545.500	5.756.545.500	-	-
Công ty CP kinh doanh thép hình	14.516.421.532	14.516.421.532	-	-
Công ty TNHH đầu tư sản xuất Hưng Long	3.217.348.240	3.217.348.240	8.187.260.966	8.187.260.966
Công ty TNHH Z179	-	-	5.010.523.135	5.010.523.135
Công ty CP Vật tư Thiết bị kỹ thuật Toàn bộ	4.764.305.341	4.764.305.341	4.860.370.249	4.860.370.249
Đối tượng khác	3.946.921.300	3.946.921.300	18.566.644.657	18.566.644.657
	121.250.851.279	121.250.851.279	105.945.097.176	105.945.097.176
<b>Tổng cộng</b>	<b>238.982.068.276</b>	<b>227.578.207.685</b>	<b>189.266.978.767</b>	<b>177.863.118.176</b>

(\*): Liên quan đến vụ án đang được điều tra tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Giám đốc xí nghiệp là ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị giam giữ để điều tra vì có những dấu hiệu cố ý làm sai quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế và gây ra hậu quả nghiêm trọng. Khoản nợ phải trả các đối tượng gồm: Công ty Minh Bạch: 3.110.952.400 đồng; Công ty CP Thép Á Châu: 3.465.841.933 đồng; NM Thép Việt Mỹ - Công ty TNHH Minh Bạch: 1.565.485.884 đồng; Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD: 3.261.580.374 đồng. Tại 31/12/2020, khoản công nợ này xác định khó có khả năng chi trả.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

**a. Phải thu**

	01/01/2020 VND	Phải thu VND	Đã thu/ Đã khấu trừ VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	126.828.753	980.170.605	112.239.763	994.759.595
Thuế xuất, nhập khẩu	439.925	-	-	439.925
Thuế TNDN	50.000.001	628.884.047	233.956.542	444.927.506
Thuế thu nhập cá nhân	105.974.075	6.262.140	10.071.221	102.164.994
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	267.488.085	347.493.487	447.011.869	167.969.703
Các loại thuế khác	25.088.000	10.834.937	-	35.922.937,00
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.416.121	2.362.141	1.638.402	94.139.860
<b>Tổng cộng</b>	<b>669.234.960</b>	<b>1.976.007.357</b>	<b>804.917.797</b>	<b>1.840.324.520</b>

**b. Phải nộp**

	01/01/2020 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.107.236.061	55.935.728.349	56.336.349.956	16.706.614.454
+ Thuế GTGT hàng sản xuất kinh doanh trong nước	17.107.236.061	15.353.969.871	15.754.591.478	16.706.614.454
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	40.581.758.478	40.581.758.478	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	-	-	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.209.306.104	52.506.642	52.506.642	2.209.306.104
Thuế TNDN	2.245.523.084	1.811.436.836	2.161.333.034	1.895.626.887
Thuế TNCN	359.190.187	1.341.127.258	1.462.238.262	238.079.183
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	10.148.404.191	5.153.194.201	3.265.873.766	12.035.724.626
Các loại thuế khác	3.100.000	1.690.751.686	1.689.751.686	4.100.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	12.028.528.365	1.191.373.516	10.600.000	13.209.301.881
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.785.669.419</b>	<b>67.176.118.488</b>	<b>64.978.653.347</b>	<b>48.983.134.560</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**5.17 Chi phí phải trả**

	31/12/2020	'01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>17.736.317.161</b>	<b>16.894.235.734</b>
Lãi vay phải trả	5.394.614.881	4.854.745.846
Phí thuê văn phòng, nhà xưởng	10.738.978.135	8.329.066.135
Chi phí xây dựng các công trình	1.435.272.621	1.435.272.621
Khác	167.451.524	2.275.151.132
<b>Dài hạn</b>	<b>44.488.229.193</b>	<b>44.488.229.193</b>
Khác	44.488.229.193	44.488.229.193
<b>Cộng</b>	<b>62.224.546.354</b>	<b>61.382.464.927</b>

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.529.422.101</b>	<b>1.420.253.792</b>
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	1.529.422.101	1.420.253.792
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.529.422.101</b>	<b>1.420.253.792</b>

**5.19 Phải trả khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>43.739.528.334</b>	<b>42.879.832.646</b>
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.257.988.040	4.257.988.040
Kinh phí công đoàn	372.964.820	884.907.399
Bảo hiểm xã hội	1.359.214.551	1.234.598.659
Bảo hiểm y tế	425.790.417	13.708.952
Bảo hiểm thất nghiệp	173.883.897	6.113.873
Nhận ký quỹ, ký cược	723.500.000	283.500.000
Phải trả phải nộp khác	23.521.186.609	23.294.015.723
<b>Dài hạn</b>	<b>129.485.369.681</b>	<b>129.629.896.729</b>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội (*)	118.000.000.000	118.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào (**)	9.531.600.000	9.531.600.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.953.769.681	2.098.296.729
<b>Tổng cộng</b>	<b>173.224.898.015</b>	<b>172.509.729.375</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

(\*): Khoản tiền thu từ Công ty TNHH Nhà nước MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ứng trước cho Công ty Dụng cụ số 1 để thực hiện dự án “Di chuyển, cải tạo và nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1: theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HĐHTĐT-TJC ngày 3/4/2009 về việc “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.

(\*\*): Khoản tiền Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào trả cho Công ty Dụng cụ số 1 do giảm phần diện tích sản xây dựng nhận được của Dự án “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>544.881.030.806</b>	<b>493.952.496.868</b>	<b>271.932.424.157</b>	<b>221.003.890.219</b>
Vay ngắn hạn	540.881.030.806	489.952.496.868	267.932.424.157	217.003.890.219
Vay ngân hàng	537.423.531.034	488.170.721.738	261.435.305.360	212.182.496.064
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	236.123.398.630	236.123.398.630	-	-
Ngân hàng TMCP HD Bank	52.117.087.676	52.117.087.676	70.788.724.078	70.788.724.078
Ngân hàng TMCP VietinBank Thanh Xuân	18.787.325.105	18.787.325.105	14.593.478.412	14.593.478.412
Ngân hàng TMCP Quân đội	39.852.406.518	39.852.406.518	35.508.231.030	35.508.231.030
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	55.206.865.343	55.206.865.343	-	-
Các ngân hàng khác	135.336.447.762	86.083.638.466	140.544.871.840	91.292.062.544
Vay các tổ chức	1.597.904.605	-	1.597.904.605	-
Công đoàn Công ty	266.725.076	-	266.725.076	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsui	1.331.179.529	-	1.331.179.529	-
Vay cá nhân	1.859.595.167	1.781.775.130	4.899.214.192	4.821.394.155
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	1.424.312.603	1.424.312.603	3.158.312.603	3.158.312.603
Bà Trương An Phúc	-	-	1.306.892.025	1.306.892.025
Bà Trần Thị Thuộc	77.820.037	-	77.820.037	-
Các cá nhân khác	357.462.527	357.462.527	356.189.527	356.189.527
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>8.809.115.917</b>	<b>8.809.115.917</b>	<b>914.096.819</b>	<b>914.096.819</b>
Vay ngân hàng	8.809.115.917	8.809.115.917	914.096.819	914.096.819
Ngân hàng TMCP Quân đội	8.316.909.938	8.316.909.938	-	-
Các ngân hàng khác	492.205.979	492.205.979	914.096.819	914.096.819
<b>Tổng cộng</b>	<b>553.690.146.723</b>	<b>502.761.612.785</b>	<b>272.846.520.976</b>	<b>221.917.987.038</b>

Các khoản vay ngắn hạn được đánh giá không có khả năng trả nợ là các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung và có liên quan đến vụ án đang được điều tra liên quan đến Ông Nguyễn Duy Xuyên. Cụ thể các khoản vay như sau:

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>49.252.809.296</b>	-	<b>49.252.809.296</b>	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Đông Hà Nội {1}	24.262.809.296	-	24.262.809.296	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Hà Nội {2}	24.990.000.000	-	24.990.000.000	-
<b>Vay các tổ chức</b>	<b>1.597.904.605</b>	-	<b>1.597.904.605</b>	-
Công đoàn Công ty	266.725.076	-	266.725.076	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsu Vina	1.331.179.529	-	1.331.179.529	-
<b>Vay cá nhân</b>	<b>77.820.037</b>	-	<b>77.820.037</b>	-
Bà Trần Thị Thược	77.820.037	-	77.820.037	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.928.533.938</b>	-	<b>50.928.533.938</b>	-

{1}: Vay của Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 160-11/2011/HĐTD ngày 30/06/2011, hạn mức vay là 50.000.000.000 đồng, lãi suất thả nổi (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 21%/năm). Công ty đã đứng tên để vay vốn lưu động cho Xí nghiệp để kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay là cho vay không có tài sản đảm bảo thực hiện biện pháp bổ sung tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý và nhà cửa vật kiến trúc.

{2}: Vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201000188 ngày 31/05/2011 và Phụ lục số 01 ngày 08/09/2011 với hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, hạn mức tín dụng đến hết ngày 31/05/2012, tài sản thế chấp là hàng tồn kho theo Hợp đồng số 10/HĐTC/NHN-XNKTH ngày 22/04/2012. Khoản vay này theo giấy ủy quyền số 03/UQ ngày 02/03/2010 của Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung, giấy ủy quyền này có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký. Lãi suất điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng theo số dư, lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 19%/năm.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung không đánh giá được khả năng trả nợ của các khoản nợ trên do các khoản vay này đều liên quan đến vụ án xét xử ông Nguyễn Duy Xuyên.



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.21 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2019</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>(1.202.379.963)</b>	<b>649.783.409</b>	<b>(11.542.744.051)</b>	<b>6.052.466.290</b>	<b>1.412.591.613.686</b>
Lãi trong năm	-	-	-	7.101.038.602	42.245.697	7.143.284.299
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(6.058.222.338)	(7.439.574)	(6.065.661.912)
Giảm khác	-	-	-	(1.964.549.924)	-	(1.964.549.924)
<b>Số dư ngày 31/12/2019</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>(1.202.379.963)</b>	<b>649.783.409</b>	<b>(12.464.477.711)</b>	<b>6.087.272.413</b>	<b>1.411.704.686.149</b>
<b>Số dư ngày 01/01/2020</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>(1.202.379.963)</b>	<b>649.783.409</b>	<b>(9.873.453.178)</b>	<b>6.087.272.413</b>	<b>1.414.295.710.682</b>
Lãi trong năm	-	-	-	5.858.652.701	42.746.769	5.901.399.470
Tăng khác	-	-	-	925.989.562	-	925.989.562
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(6.684.012.934)	(9.388.240)	(6.693.401.174)
Giảm khác	-	-	-	(2.030.173.040)	-	(2.030.173.040)
<b>Số dư ngày 31/12/2020</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>(1.202.379.963)</b>	<b>649.783.409</b>	<b>(11.802.996.889)</b>	<b>6.120.630.942</b>	<b>1.412.399.525.500</b>

(\*) Lợi nhuận chưa phân phối tại công ty mẹ và các công ty con được tạm phân phối và sẽ được điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
<b>Cộng</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>1.418.634.488.001</b>

Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán 1.280.511.999 đồng là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

**c. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>1.418.634.488.001</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ	484.246.656.409	875.475.119.736
Doanh thu bán thành phẩm	216.673.595.762	261.479.923.703
Doanh thu dự án	684.606.478.987	222.441.597.473
Doanh thu khác	598.502.373	536.962.615
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.386.125.233.531</b>	<b>1.359.933.603.527</b>

**6.02 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	7.477.158	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.477.158</b>	<b>-</b>

**6.03 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	408.433.757.872	813.101.044.629
Giá vốn của thành phẩm đã bán	186.364.983.351	234.903.076.030
Giá vốn dự án	665.271.247.191	209.017.916.164
Giá vốn khác	732.475.759	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.260.802.464.173</b>	<b>1.257.022.036.823</b>

**6.04 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	8.682.324.576	18.458.180.480
Lãi chuyển nhượng vốn	-	1.149.915.781
Cổ tức, lợi nhuận được chia	103.769.000	399.332.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	631.996.942	71.830.003
Doanh thu hoạt động tài chính khác	127.572.432	58.405.131
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.545.662.950</b>	<b>20.137.663.795</b>

**6.05 Chi phí tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.319.332.162	17.585.037.221
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.028.579.820	417.216.393
Chi phí khác	256.028.513	97.419.571
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.603.940.495</b>	<b>18.099.673.185</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6.06 Chi phí bán hàng**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	802.010.997	889.913.887
Chi phí vật liệu quản lý	511.334.254	878.783.372
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	226.859.899	218.219.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.294.161.719	1.636.003.331
Chi phí bằng tiền khác	733.936.538	844.120.419
Chi phí bảo hành	2.595.457	19.093.063
Chi phí hoa hồng	78.373.890	73.276.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.649.272.754</b>	<b>4.559.410.148</b>

**6.07 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	47.416.911.418	47.510.539.695
Chi phí vật liệu, mua đồ dùng văn phòng	2.888.238.646	3.698.086.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.786.281.567	8.915.012.874
Thuế, phí, lệ phí	3.338.374.239	4.351.777.171
Dự phòng phải thu khó đòi	857.377.684	332.283.788
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(321.607.156)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.647.814.717	12.350.557.480
Chi phí bằng tiền khác	25.071.709.434	17.502.133.181
<b>Tổng cộng</b>	<b>102.006.707.704</b>	<b>94.338.783.923</b>

**6.08 Thu nhập khác**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC	621.109.113	239.718.031
Thu tiền điện, nước	484.965.098	613.598.534
Các khoản nợ không phải trả	-	2.449.059.838
Thuế GTGT, TNDN nộp thừa theo BB kiểm tra thuế	3.243.477.600	-
Khác	1.374.432.447	4.120.386.698
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.723.984.258</b>	<b>7.422.763.101</b>

**6.09 Chi phí khác**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	523.659.471	-
Phạt chậm nộp bảo hiểm	-	2.993.815.646
Phạt vi phạm hợp đồng	39.768.000	-
Chi phí điện, nước	484.965.098	613.598.534
Khấu hao TSCĐ của các tài sản không sử dụng	1.500.000.000	-
Các khoản khác	1.818.813.713	813.596.065
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.367.206.282</b>	<b>4.421.010.245</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6.10 Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.056.412.703	1.911.849.910
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.056.412.703</b>	<b>1.911.849.910</b>

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	5.858.652.701	7.101.038.602
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.369.949.168	4.993.993.261
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.488.703.533	2.107.045.341
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	141.991.500	141.991.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	18	15

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.01 Thông tin về các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Điều hành hoạt động Công ty liên kết	20%

**7.02 Giao dịch với Bên liên quan**

Bên liên quan		Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>Điều hành hoạt động</b>	<b>2.472.426.501</b>	<b>2.222.838.471</b>
<i>Trần Quốc Toàn</i>	<i>Chủ tịch HĐQT</i>	493.040.102	415.982.296
<i>Nguyễn Khắc Hải</i>	<i>Thành viên HĐQT, TGD</i>	115.235.465	407.304.731
<i>Hoàng Minh Việt</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>	270.536.393	291.326.001
<i>Cù Ngọc Phương</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>	39.000.000	36.000.000
<i>Phan Phạm Hà</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>	-	36.000.000
<i>Lê Quốc Hưng</i>	<i>Thành viên HĐQT, TGD</i>	405.090.575	233.608.602
<i>Nguyễn Thành Nam</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>	122.660.138	-
<i>Phạm Thành Đông</i>	<i>Phó TGD</i>	279.503.604	218.789.205
<i>Đậu Huy Ngọc Linh</i>	<i>Phó TGD</i>	345.085.203	283.421.601
<i>Trần Thị Thu Trang</i>	<i>Phó TGD kiêm Trưởng ban TCKT</i>	402.275.021	300.406.035
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>340.911.994</b>	<b>289.757.358</b>
<i>Đình Quang Hòa</i>	<i>Trưởng ban kiểm soát</i>	283.016.973	253.757.358
<i>Lê Tuấn Anh</i>	<i>Ủy viên ban kiểm soát</i>	23.190.476	18.000.000
<i>Nguyễn Thị Khánh Ly</i>	<i>Ủy viên ban kiểm soát</i>	21.340.909	18.000.000
<i>Lê Thị Minh Huyền</i>	<i>Ủy viên ban kiểm soát</i>	13.363.636	-

**7.03 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh đầu kỳ được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM. Một số chỉ tiêu đầu kỳ đã được có phân loại lại. Cụ thể như sau:

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán:

TÀI SẢN	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1.304.093.030.548</b>	<b>1.301.502.006.015</b>	<b>2.591.024.533</b>
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>737.884.800.939</b>	<b>735.293.776.406</b>	<b>2.591.024.533</b>
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	100.068.487.003	97.477.462.470	2.591.024.533
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>2.343.786.290.320</b>	<b>2.341.195.265.787</b>	<b>2.591.024.533</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

NGUỒN VỐN	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.414.295.710.682</b>	<b>1.411.704.686.149</b>	<b>2.591.024.533</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1.414.295.710.682</b>	<b>1.411.704.686.149</b>	<b>2.591.024.533</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001	
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421	(9.873.453.178)	(12.464.477.711)	2.591.024.533
<i>LNST chưa phân phối lũy kế</i>				
<i>đến cuối kỳ trước</i>	421a	(11.978.480.409)	(14.569.504.942)	2.591.024.533
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	2.105.027.231	2.105.027.231	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>2.343.786.290.320</b>	<b>2.341.195.265.787</b>	<b>2.591.024.533</b>

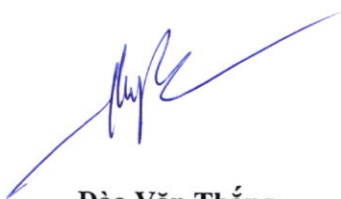
Tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội: phân loại lại khoản lỗ lũy kế của giai đoạn trước cổ phần hóa để chờ xử lý của cơ quan có thẩm quyền, khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” tăng 2.591.024.533 đồng và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng tương ứng.

Hà nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc





Đào Văn Thắng

Trần Thị Thu Trang

Lê Quốc Hưng